

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30- 6 -2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYỀN, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Tường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoài

2. Ông Phùng Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/QĐST-HNGĐ, ngày 27/6/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lục Thị Đ- Sinh năm: 1995; Chứng minh nhân dân số: 073379989, cấp ngày 20/9/2020, do Công an tỉnh H cấp; Địa chỉ: Thôn N, xã Ng, huyện V, tỉnh H; (Vắng mặt có lý do).

- *Bị đơn:* Anh Sầm Văn T, sinh năm 1997; Chứng minh nhân dân số: 0734726053, cấp ngày 13/02/2017, do Công an tỉnh H cấp; Địa chỉ: Thôn R, xã Ng, huyện V, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2022 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Lục Thị Đ trình bày: Tôi và Anh Sầm Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện V, tỉnh H vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc và cùng nhau về sinh sống với gia đình nhà bố mẹ tôi tại thôn N, xã Ng, huyện V, tỉnh H. Đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh Toàn bỏ về nhà bố mẹ tại thôn R, xã Ng, huyện V, tỉnh H sống, nhận

thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh Phúc nên tôi làm đơn xin được ly hôn với anh T;

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung họ tên các cháu là Sầm Gia Ph, sinh ngày 23/10/2014 và Sầm Gia L, sinh ngày 22/11/2019. Ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng Tôi không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Anh Sầm Văn T nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng vụ án đã không hòa giải được vì bị đơn vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đã tiến hành thực hiện việc thu thập chứng cứ tại địa phương (Biên bản xác minh ngày 06/6 /2022), qua xác minh cho thấy anh T hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết. Mâu thuẫn vợ, chồng anh T chị Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật;

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Lục Thị Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ghi ngày 04 tháng 6 năm 2022. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của chị Đ cùng các tài liệu kèm theo, chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh T;

Về phần con chung: Chị Lục Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao các cháu Sầm Gia Ph, sinh ngày 23/10/2014 và Sầm Gia L, sinh ngày 22/11/2019 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Sầm Văn T vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến cũng như quan điểm đối với yêu cầu của chị Đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến

quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của chị Lục Thị Đ;

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lục Thị Đ được ly hôn với Anh Sầm Văn T;

3. Về con chung: Xử giao các cháu Sầm Gia Ph, sinh ngày 23/10/2014 và Sầm Gia L, sinh ngày 22/11/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

4. Về tài sản, công nợ: Chị Lục Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lục Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V Tuyên giải quyết việc hôn nhân của chị với Anh Sầm Văn T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V Tuyên, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn Chị Lục Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai) căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự;

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị Đ và Anh Sầm Văn T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện V, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống vợ, chồng anh chị Đệ anh Toàn chung sống hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong

công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T có cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, không đồng thuận trong cuộc sống cũng như trong việc phát triển kinh tế để xây dựng cuộc sống gia đình và chăm sóc nuôi dưỡng con cái, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh T;

[4] Về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn: Căn cứ trình bày của chị Đ và tài liệu chứng cứ giao nộp thì chị Đ và anh T có hai con chung là Sầm Gia Ph, sinh ngày 23/10/2014 và Sầm Gia L, sinh ngày 22/11/2019, nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ do ở với mẹ sẽ đảm bảo hơn cho hai cháu trong việc sinh hoạt cũng như học tập và chị Đ cũng có đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, theo đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt chị Đ vẫn giữ nguyên đề nghị về việc nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội cần căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đ là phù hợp;

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Lục Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm;

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đồng thuận với HĐXX được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Chị Lục Thị Đ và Anh Sầm Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2

Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lục Thị Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với Anh Sầm Văn T;

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lục Thị Đ được ly hôn với Anh Sầm Văn T;

3. Về con chung: Giao các cháu Sầm Gia Ph, sinh ngày 23/10/2014 và Sầm Gia L, sinh ngày 22/11/2019 cho Chị Lục Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Sầm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Án phí: Chị Lục Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002250 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (chị Đ đã nộp đủ án phí);

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Đ, anh T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Tường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XU’ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Giang Nguyễn Quang Tiếp Đặng Hồng Tường

